

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01/08/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QDST-DS, ngày 15 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắc Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Quách TỰ T1, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 05 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày:*

Chị và anh Quách T2 T1 kết hôn vào năm 2022 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Hai bên sống chung với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do đi làm ăn xa, không có tiếng nói chung trong gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần giảng hòa nhưng không thành, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Quách T2 T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Quách Lê Gia L, sinh ngày 23/05/2022 chị T có nguyện vọng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Bị đơn anh Quách TỰ T1:**

Trong quá trình giải quyết vụ án xác minh tại địa phương thì anh Quách Tự T1 có nơi cư trú Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có đi làm ăn nhưng về nhà thường xuyên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố mẹ đẻ của anh T1 nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

*Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:* Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và tranh luận tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

*Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Quách Tự T1.

Về con chung: Giao con Quách Lê Gia L, sinh ngày 23/05/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Lê Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn anh Quách T2 T1 có nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết x ly hôn với anh Quách Tự T1 và yêu cầu giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn và con chung” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2022 chị Lê Thị T với anh Quách Tự T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng: Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn về lối sống, quan điểm và cách xử sự với nhau trong cuộc sống. Hiện cả hai không còn sống chung. Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định anh T1 và chị T hiện không sống cùng nhau. Xét thấy, lời trình bày của chị T là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ Tòa án thu thập được. Do mục đích hôn nhân của chị T và anh T1 không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử chị T được ly hôn với anh T1 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn

.....”

Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

[2.2]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung là Quách Lê Gia L, sinh ngày 23/05/2022. Nguyên vọng của chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Gia L đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đảm bảo cho việc phát triển toàn diện của các cháu. Xét thấy chị T có việc làm, có nơi ở và thu nhập ổn định. Xét thấy cháu Quách Lê Gia L, sinh ngày 23/05/2022 đang còn nhỏ, cần tình thương và sự chăm sóc của mẹ. Do đó yêu cầu của chị T được nuôi cháu Gia L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Quách Lê Gia L cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song về nội dung vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Quách Tụ T1.

2. Về con chung: Giao con Quách Lê Gia L, sinh ngày 23/05/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T và anh T1 có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

Sau khi ly hôn chị T và anh T1 có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004171 ngày 29/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

*5. Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND xã Nam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thanh Tâm**